

PHÁT TRIỂN NĂNG LỰC LẬP LUẬN CHO HỌC SINH TIỂU HỌC KHI VIẾT VĂN MIÊU TẢ

CHU THỊ THUY AN*

Ngày nhận bài: 13/02/2017; ngày sửa chữa: 15/02/2017; ngày duyệt đăng: 16/02/2017.

Abstract: In pragmatics, substantives play an important role in argument direction of texts, convincing the readers to the conclusions of the writers. This article applies pragmatics researches to developing methods of training descriptive writing skills, helping students overcome difficulties in finding ideas, organizing ideas, choosing expressions, expressing emotions and maintaining the major sentiment in writing.

Keywords: Develop, competency, argument, descriptive writing.

1. Đặt vấn đề

1.1. Văn miêu tả (VMT), từ lâu, đã là thể loại văn được các nhà nghiên cứu quan tâm. “Miêu tả (MT) là lấy nét vẽ hoặc câu văn để biểu hiện cái chân tướng của sự vật ra” [1; tr 134]. MT là “dùng ngôn ngữ hoặc một phương tiện nghệ thuật nào đó làm cho người khác có thể hình dung được cụ thể sự vật, sự việc hoặc thế giới nội tâm của con người” [2; tr 814]. VMT có những đặc trưng riêng biệt, có giá trị sâu sắc trong đời sống tinh thần của con người. MT là vẽ ra các sự vật, sự việc, hiện tượng, con người... bằng ngôn ngữ một cách sinh động, cụ thể. Nó là sự kết tinh của những nhận xét tinh tế, những rung động sâu sắc mà người viết thu lượm khi quan sát cuộc sống. “... Bao giờ người viết cũng đánh giá chúng theo một quan điểm thẩm mỹ và gửi vào bài viết tình cảm hay ý kiến đánh giá, bình luận của mình. Do vậy, từng chi tiết của bài MT đều mang ấn tượng cảm xúc chủ quan” [3; tr 99]. “Một bài VMT được coi là sinh động, tạo hình khi các sự vật, đồ vật, con người... được MT hiện lên qua từng câu, từng dòng như trong cuộc sống thực, tưởng như có thể cầm được, có thể nhìn, ngấm được hoặc “sờ mó” được như cách nói của Gorki” [3; tr 101].

1.2. Trong những năm gần đây, ngữ dụng học đã nghiên cứu VMT từ một góc nhìn khác. Theo Oswald Ducrot, “giá trị đích thực của một nội dung MT là giá trị lập luận của nó, có nghĩa là giá trị đích thực của nó là ở chỗ nó được nói, viết ra là nhằm dẫn người nghe, người đọc tới một kết luận + r hoặc - r nào đó”. Hayakawa cũng cho rằng: “Ít khi người ta MT để mà MT. Trừ những diễn ngôn khoa học, trong giao tiếp đời thường, chúng ta MT một cái gì đó là đặt cái nội dung MT đó vào một lập luận nào đấy” [4; tr 172].

“Ý nghĩa đích thực của MT là lập luận cho nên nhà văn nhà thơ thường lựa chọn các chi tiết của cảnh, của người, của việc và sử dụng những cách biểu cảm sao cho phù hợp với kết luận dự định hướng tới” [4; tr 173].

1.3. Trong VMT, quan hệ lập luận được thể hiện rất rõ. Vì MT là nêu đặc điểm, tính chất của sự vật, hiện tượng làm cho người nghe, người đọc nhận biết sự vật, hiện tượng ấy. Việc MT các sự vật, hiện tượng của người viết, người nói không phải là vô tư mà thường nhằm tới một cái đích nào đó. Mặt khác, theo tác giả Đỗ Hữu Châu: “Trong văn bản, chúng ta thường nói tới tư tưởng, chủ đề. Tư tưởng, chủ đề thường là kết luận tường minh hay hàm ẩn... Văn bản, diễn ngôn hay một đoạn văn là một lập luận đơn hay phức hợp bất kể văn bản viết theo phong cách chức năng nào. Tính lập luận là sợi chỉ đỏ đảm bảo tính mạch lạc (coherence) về nội dung bên cạnh tính liên kết về hình thức của văn bản, của diễn ngôn” [4; tr 173]. Vì vậy, khi học sinh (HS) có kĩ năng lập luận, bài văn của các em sẽ không còn rơi vào tình trạng rời rạc, khô cứng và tư tưởng, tình cảm của các em được thể hiện rõ, xuyên suốt cả bài.

2. Các biện pháp phát triển năng lực lập luận khi viết VMT cho HS tiểu học

Xuất phát từ đặc trưng của VMT, chúng tôi xây dựng các biện pháp phát triển năng lực lập luận cho HS như sau:

2.1. Luyện tập định hướng lập luận qua việc sắp xếp vị trí các luận cứ, kết luận phù hợp với mục đích MT:

* Trường Đại học Vinh

- *Ý nghĩa của biện pháp*: Các chi tiết MT chính là các luận cứ hoặc kết luận. Mục đích MT tức là tư tưởng chủ đạo của bài văn. Khi HS đã lựa chọn được các chi tiết MT phù hợp với mục đích MT (điều này đã đề cập đến ở [5; tr 24]) được dự kiến của bài viết, chúng ta có thể giúp HS định hướng lập luận bằng cách sắp xếp vị trí các chi tiết, các hình ảnh theo một trật tự phù hợp với ý đồ lập luận, với cảm xúc chủ đạo của bài viết.

- *Nội dung biện pháp*: Mỗi đoạn văn, bài VMT của HS đều là các lập luận lớn, bé khác nhau. Tuy nhiên, để biện pháp này vừa sức với HS và có tính khả thi cao, nên xem mỗi đoạn văn là một lập luận. Giáo viên (GV) cung cấp cho HS các luận cứ (tức là các câu văn) và định hướng kết luận (mục tiêu giao tiếp), yêu cầu HS sắp xếp các câu văn theo trật tự phù hợp với hướng kết luận mà đề bài yêu cầu. Ngoài ra, GV cũng có thể yêu cầu HS viết những đoạn MT ngắn theo mục đích lập luận mà đề bài yêu cầu. Tức là yêu cầu HS phải tự xây dựng các luận cứ và kết luận phù hợp với mục đích lập luận cho trước.

Khi kĩ năng này của HS đã thành thục, HS có thể thực hiện sắp xếp ý một cách tự nhiên trong quá trình lập dàn ý hoặc viết bài văn ở lớp 4-5. Như vậy, biện pháp này có thể sử dụng cả ở lớp 2, 3 và lớp 4, 5.

Chẳng hạn, các bài tập sau:

Hà đã suy nghĩ và liệt kê xong các ý cho đoạn VMT cô gà mái mơ nhưng bạn ấy chưa biết cách sắp xếp ý như thế nào để khi đọc mọi người đều thấy hiện lên một cô gà mái mơ tuy vất vả vì đàn con nhưng vẫn đẹp và hiền dịu. Em hãy giúp Hà sắp xếp các ý và viết thành đoạn văn nhé!

(1) Mẹ của các bé gà con mới nở là một cô gà mái mơ dịu hiền. (2) Cái mỏ vàng đã ngả sang màu nâu vì vất vả kiếm mồi cho đàn con và có vẻ tù đi chứ không còn sắc nhọn như trước. (3) Cô vẫn đẹp lắm. (4) Vẻ đẹp của cô gà mái mơ bây giờ là vẻ đẹp của một bà mẹ hạnh phúc bên đàn con; (5) Cái mỏ nhỏ trên đầu, màu không còn tươi tắn nhưng lại phù hợp với cặp mắt vàng như nắng trưa. (6) Lúa gà này là đàn con thứ ba của cô nên trông dáng hình đã tương đối ục ịch. (7) Bộ lông có vẻ xơ xác sau thời kì đẻ và ấp trứng nay đã mượt mà trở lại.

Đáp án của bài tập này có thể như sau: *(1) Mẹ của các bé gà con mới nở là một cô gà mái mơ dịu hiền. (6) Lúa gà này là đàn con thứ ba của cô nên trông dáng hình đã tương đối ục ịch. (2) Cái mỏ vàng đã ngả sang màu nâu vì vất vả kiếm mồi cho đàn con và có vẻ tù đi chứ không còn sắc nhọn như trước. (3) Nhưng cô vẫn đẹp lắm. (5) Cái mỏ nhỏ trên đầu, màu không còn tươi tắn nhưng lại phù hợp với cặp mắt vàng như nắng trưa. (7) Bộ lông có vẻ xơ xác*

thời kì đẻ và ấp trứng nay đã mượt mà trở lại. (4) Vẻ đẹp của cô gà mái mơ bây giờ là vẻ đẹp của một bà mẹ hạnh phúc bên đàn con.

Theo lí thuyết lập luận thì (1) và (4) chính là kết luận. Để hướng tới kết luận này ở đoạn văn (lập luận) trên đã sử dụng năm luận cứ: (6) và (2) là các luận cứ âm (-) tức là hướng đến kết luận ngược với (1) và (4). Còn (3), (5), (7) là các luận cứ hướng đến kết luận dương(+), tức là hướng tới (1) và (4). Vì vậy, với yêu cầu của bài tập là **sắp xếp các ý phù hợp để khi đọc mọi người đều thấy hiện lên một cô gà mái mơ tuy vất vả vì đàn con nhưng vẫn đẹp và hiền dịu**, HS phải để (6) và (2) lên trước, (3), (5), (7) ra sau - gần với kết luận hơn.

Có thể thay đổi lệnh của bài tập là *em hãy sắp xếp các ý trong đoạn để khi đọc mọi người đều thấy hiện lên một cô gà mái mơ vất vả vì đàn con*. Nếu vậy thì đáp án của bài tập có thể như sau: *(1) Mẹ của các bé gà con mới nở là một cô gà mái mơ dịu hiền. (3) Cô vẫn đẹp lắm. (4) Vẻ đẹp của cô gà mái mơ bây giờ là vẻ đẹp của một bà mẹ hạnh phúc bên đàn con. (5) Cái mỏ nhỏ trên đầu, màu không còn tươi tắn nhưng lại phù hợp với cặp mắt vàng như nắng trưa. (7) Bộ lông có vẻ xơ xác sau thời kì đẻ và ấp trứng nay đã mượt mà trở lại. (6) Nhưng lúa gà này là đàn con thứ ba của cô nên trông dáng hình đã tương đối ục ịch. (2) Cái mỏ vàng cũng đã ngả sang màu nâu vì vất vả kiếm mồi cho đàn con và có vẻ tù đi chứ không còn sắc nhọn như trước.*

Đoạn văn thứ hai hướng người đọc đi đến kết luận ngược với đoạn văn thứ nhất. Hai luận cứ hướng đến kết luận âm (-) (6) và (2) được xếp sau cùng, kết hợp với việc sử dụng kết từ “nhưng” chỉ sự đối lập và tác từ “cũng” chỉ sự đồng thời đã tạo ra hiệu lực lập luận này.

Với những bài tập như trên, HS được rèn luyện và phát triển năng lực xác định vị trí của các luận cứ (sắp xếp các ý) khi nói, viết để đạt được mục đích thuyết phục của mình khi MT. Ý thức và thói quen sắp xếp các luận cứ, các ý đã tìm được phù hợp với mục đích MT của HS từ đó cũng được hình thành.

2.2. Luyện tập định hướng lập luận qua việc lựa chọn các chi tiết MT cùng chủ đề làm bật nổi đặc điểm của đối tượng MT:

- *Ý nghĩa của biện pháp*: Lựa chọn các chi tiết MT cùng chủ đề là một phương tiện để định hướng lập luận. Khi dạy VMT, cần rèn luyện cho HS sử dụng phương tiện này để rèn kĩ năng diễn đạt chặt chẽ, kĩ năng làm bật nổi đặc điểm của đối tượng MT, kĩ năng thể hiện một cách tập trung, thuyết phục nội dung tư tưởng của bài viết.

- *Nội dung của biện pháp:* Biện pháp này có thể sử dụng cả ở khâu hướng dẫn HS tìm ý, sắp xếp ý và cả khi viết đoạn văn, bài VMT. Khi HS suy nghĩ lựa chọn các chi tiết MT có cùng chủ đề có nghĩa là các em đang có định hướng cho lập luận MT của mình. Tuy nhiên, việc tiến hành lựa chọn và sắp xếp các chi tiết MT cùng chủ đề phụ thuộc nhiều vào vốn sống, vốn từ ngữ MT của HS. Cho nên biện pháp này sẽ có hiệu quả cao nếu áp dụng với HS lớp 4, 5. Đây là cách phát triển song song kĩ năng viết VMT và kĩ năng tư duy của HS. Với lứa tuổi lớp 4-5, việc hướng dẫn HS lựa chọn các chi tiết MT cùng chủ đề cũng là một biện pháp góp phần tăng hứng thú học tập cho HS, phát huy được tính sáng tạo của các em.

Có thể hướng dẫn HS thực hành theo quy trình sau: bước 1: phân tích đoạn văn mẫu; bước 2: nhận xét về việc lựa chọn các chi tiết MT trong đoạn văn; bước 3: thực hành chọn các chi tiết MT, viết đoạn văn mới theo yêu cầu của đề bài.

Với biện pháp này, giáo viên cần chú trọng hoạt động thực hành trên ngữ liệu mẫu, phát huy tính tích cực sáng tạo của HS. Ngữ liệu có thể là các đoạn VMT quen thuộc trong sách giáo khoa (SGK) Tiếng Việt, cũng có thể là các văn bản MT bên ngoài SGK có nội dung và hình thức phù hợp, đảm bảo giúp HS luyện tập kĩ năng phân tích, lựa chọn chi tiết MT cùng chủ đề.

Chẳng hạn, sử dụng bài tập: Em hãy đọc đoạn văn sau:

“A Cháng mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay, bắp chân rắn như trắc, gụ. Vóc cao, vai rộng người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng... Hai tay A Cháng nắm đốc cày, mắt nhìn thế ruộng, nhìn đường cày, thân hình nhoài thành một đường cong mềm mại, khi qua trái, lúc tạt phải theo đường cày uốn vòng trên hình ruộng bậc thang như một mảnh trăng lưỡi liềm. Lại có lúc được sá cày thẳng, người anh như rạp hẳn xuống, đôi chân xoắn dài hoặc bẫm những bước ngắn, gập gập.”

(Theo Ma Văn Kháng. **Tiếng Việt 5**, tập 1, tr 119)

a) Em hãy ghi lại những chi tiết MT Hạng A Cháng. Những chi tiết nào trong đoạn văn cho em thấy *Hạng A Cháng là một thanh niên khỏe mạnh*.

b) Theo cách làm như đoạn văn trên em hãy tìm các chi tiết MT một bạn gái để người đọc thấy đó là một bạn gái nhỏ nhắn, dễ thương.

Trong đoạn văn trên, có các chi tiết về ngoại hình: *mười tám tuổi, ngực nở vòng cung, da đỏ như lim, bắp tay, bắp chân rắn như trắc, gụ, vóc cao, vai rộng người đứng thẳng như cái cột đá trời trồng.*

Bên cạnh đó, còn có các chi tiết về hoạt động: *hai tay nắm đốc cày, mắt nhìn thế ruộng, đường cày; thân hình nhoài thành một đường cong mềm mại, uốn vòng trên hình ruộng bậc thang như một mảnh trăng lưỡi liềm; đôi chân xoắn dài hoặc bẫm những bước ngắn, gập gập.*

Tất cả các chi tiết đều nhằm đến một kết luận *Hạng A Cháng là một thanh niên khỏe mạnh*.

Sau khi phân tích ngữ liệu, HS sẽ hiểu rằng, muốn người đọc đi đến kết luận về đối tượng MT, người viết có thể định hướng bằng việc lựa chọn hàng loạt các chi tiết MT cùng một chủ đề.

Sau đó, HS sẽ thực hiện bài tập b). Đáp án bài tập b) có thể là *thân hình mảnh dẻ, khuôn mặt trái xoan, nước da trắng trẻo, đôi mắt nâu nâu, tính tình hiền lành, thường nhường đồ dùng học tập cho các bạn, hay cười, giọng cười trong trẻo.*

Ngữ liệu VMT dạng này xuất hiện nhiều trong các bài Tập đọc, GV có thể lồng ghép khai thác để hỗ trợ HS rèn kĩ năng lập luận khi viết VMT. Ở các tiết bồi dưỡng HS có năng khiếu về tiếng Việt, các buổi Câu lạc bộ tiếng Việt,... GV có thể thiết kế các bài tập cho HS nhận dạng các *chi tiết MT cùng chủ đề* và tập thực hành lựa chọn *chi tiết MT cùng chủ đề* vào đề bài (tinh huống MT) cụ thể.

2.3. Luyện tập định hướng lập luận qua việc lựa chọn các từ ngữ MT cùng trường nghĩa để khắc họa hình ảnh của đối tượng MT:

- *Ý nghĩa của biện pháp:*

Biện pháp này giúp HS khắc phục các khó khăn trong viết VMT, để tạo nên tính tạo hình cho bài văn và biểu hiện được cảm xúc thẩm mĩ cá nhân. Theo lí thuyết lập luận, việc lựa chọn, sử dụng nhiều từ ngữ cùng trường nghĩa sẽ giúp người viết khắc họa hình ảnh đối tượng một cách dễ dàng và thể hiện cảm xúc một cách tự nhiên.

- *Nội dung biện pháp:*

Trường nghĩa là một tập hợp các từ (hay ngữ cố định) trong từ vựng của một ngôn ngữ dựa vào sự đồng nhất về phạm vi nghĩa nào đó giữa các từ. Từ cùng trường nghĩa là những từ đồng nhất về nghĩa biểu vật hoặc nghĩa biểu niệm hay biểu thái. Cho nên, thường có các khái niệm trường biểu vật, trường biểu niệm và trường liên tưởng.

Trường biểu vật là một tập hợp từ có chung phạm vi sự vật nào đó. Trường biểu vật được sử dụng nhiều trong văn chương, gắn liền với hiện tượng chuyển nghĩa, tạo nên khả năng biểu thị ý nghĩa hàm ẩn. Chẳng hạn, trong đoạn thơ sau, tác giả đã sử dụng

trường biểu vật: *lúa, tre, đàn cò, gió, mây...* làm cho đoạn thơ tập trung vào chủ đề MT cảnh làng quê.

Những chị lúa phát phơ bím tóc/Những cậu tre bá vai nhau thì thầm đứng học/Đàn cò trắng/khiêng nằng/qua sông/Cô gió chần mây trên đồng/Bác mặt trời đập xe qua đỉnh núi.

(Trần Đăng Khoa. **Tiếng Việt 3**, tập 2, tr 61)

Sử dụng trường biểu vật sẽ giúp cho việc khắc họa đối tượng MT được toàn diện, tập trung và bật nổi, các chi tiết được hiện lên sinh động, tự nhiên.

Trường biểu niệm là tập hợp các từ có chung nét nghĩa biểu niệm nào đó. Trường biểu niệm thể hiện khả năng tập hợp các từ dựa trên nét nghĩa đồng nhất vốn có giữa các từ, tạo nên một sự cộng hưởng ngữ nghĩa hoặc sự phân biệt tinh tế về sắc thái ngữ nghĩa. Chẳng hạn, trường biểu niệm *trông, mong, nhớ* đã tạo nên sự thành công của bài “Thăm lúa” trong việc thể hiện phẩm chất hi sinh, thủy chung, chờ đợi của người phụ nữ Á Đông.

Người ta bảo không trông/Ai cũng như đừng mong/Riêng em thì em nhớ.

(Theo Trần Hữu Thung. **Tiếng Việt 5** nâng cao, tr 93)

Trường biểu niệm trong MT giúp tạo nên tính tạo hình và tính cảm xúc cho văn bản, thuyết phục người đọc đi theo mạch cảm xúc chủ đạo của người viết, dẫn đến kết luận một cách tự nhiên, phù hợp với ý đồ người viết.

Trong cùng một đoạn văn, bài VMT, việc xuất hiện liên tục và nối tiếp các từ ngữ cùng trường nghĩa sẽ giúp cho đối tượng MT hiện lên một cách toàn diện, lập luận sẽ rõ ràng hơn, chặt chẽ hơn, hướng đến duy nhất một kết luận về đối tượng MT. Việc lựa chọn, sử dụng các từ ngữ MT cùng trường nghĩa giúp HS khắc họa rõ nét về đối tượng MT, thể hiện được cảm xúc một cách chân thật, hướng người đọc đi đến kết luận về đối tượng MT theo ý đồ của mình.

Biện pháp này phải được tiến hành đồng bộ trên giờ học Tập làm văn, Mở rộng vốn từ, Tập đọc, Kể chuyện... Để HS có khả năng lựa chọn sử dụng các từ ngữ cùng trường nghĩa khi MT thì phải giúp các em có một vốn từ phong phú, đa dạng, có tính thường trực. Muốn vậy, HS phải được luyện tập phát triển vốn từ và hiểu nghĩa từ dựa trên các trường nghĩa thông qua hệ thống bài tập. Ngoài ra, GV có thể hướng dẫn HS tích lũy vốn từ theo chủ đề (trường biểu vật) vào “sổ tay dùng từ” sau mỗi giờ Tập đọc, Kể chuyện. Chẳng hạn, các bài tập sau có thể sử dụng để phát triển vốn từ theo trường nghĩa cho HS.

Ở giờ *Mở rộng vốn từ*, GV có thể sử dụng các bài tập sau đây:

Ví dụ 1: Gạch bỏ ba từ ngữ không dùng để MT màu lúa chín: *vàng xuộm, vàng khè, vàng óng, vàng tươi, vàng giòn, vàng rực, vàng ươm, vàng vọt, vàng ợt, vàng như nắng mai.*

Ví dụ 2: Tìm những từ ngữ chỉ màu trắng dùng để tả:

a. Màu mây trời M: *trắng nõn, trắng như bông*

b. Màu của hoa M: *trắng muốt*

c. Màu của da người ốm M: *trắng bệch*

Ví dụ 3: Chọn các từ chỉ màu trắng thích hợp trong ngoặc đơn, điền vào từng chỗ trống trong bài thơ sau:

Tuyết rơi... một màu/Vườn chim chiều xế... cánh cò/Da... người ốm o/Bé khỏe đôi má non tơ.../Sợi len.... như bông/Làn mây bông bênh trời xanh/.... đồng muối nắng hanh/Ngó sen ở dưới bùn tanh..../Lay ơn tuyết trần/Sương mù..... không gian nhạt nhòa/Gạch men nền nhà/Trẻ em..... hiền hòa dễ thương.

(trắng bệch, trắng trẻo, trắng bóng, trắng đục, trắng xóa, trắng phau, trắng ngần, trắng nõn, trắng tinh, trắng bạc)

Cho HS phát triển vốn từ theo hướng này vừa tạo nên được sự phong phú, đa dạng về vốn từ, lại phát triển được khả năng hiểu và cảm nhận nghĩa từ tinh tế, từ đó, HS có thể huy động từ theo ý đồ lập luận của mình khi nói, viết.

Bên cạnh việc phát triển vốn từ theo các trường biểu vật, biểu niệm, HS cần phải tập cảm nhận cái hay, cái đẹp của các văn bản MT có sử dụng các trường ngữ nghĩa định hướng lập luận. Chẳng hạn, HS cần thực hiện các bài tập đọc hiểu sau qua giờ Tập đọc:

Ví dụ 1: Trong đoạn văn dưới đây, tác giả dùng những từ ngữ nào để gọi tả hình dáng con chim gáy? Cách dùng từ ngữ như vậy đã giúp em hình dung được con chim gáy như thế nào?

Con chim gáy hiền lành, béo nục. Đôi mắt nâu trầm ngâm ngơ ngác nhìn xa, cái bụng mịn mượt, cổ yếm quàng chiếc tạp dề công nhân đầy hạt cườm lấp lánh biêng biếc. Chàng chim gáy nào giọng càng trong, càng dai thì quanh cổ càng đeo nhiều vòng cườm đẹp.

(Theo Tô Hoài. **Tiếng Việt 4**, tập 2, tr 130)

Ví dụ 2: Cách sử dụng từ ngữ tả các cơn gió trong những đoạn văn sau có gì hay ?

a) *Những cơn gió sớm đấm mùi hôi, từ các đồi trọc Lộc Bình xông xáo xuống, tràn vào cánh đồng Thất Khê, lùa lên những hang đá Văn Lãng trên biên giới, ào xuống Cao Lộc, Chi Lăng.*

(Theo Tô Hoài, **Tiếng Việt 3**, tập 1, tr 97)

b) Gió tây lướt thướt bay qua rừng, quyến theo hương thảo quả đi, rải theo triền núi, đưa hương thảo quả ngọt lựng, thơm nồng vào những thôn xóm Chin San.

(Theo Ma Văn Kháng. **Tiếng Việt 5**, tập 1, tr 113)

Trong giờ Tập làm văn, GV hướng dẫn HS lựa chọn từ để định hướng lập luận vào các thời điểm quan sát tìm ý, viết đoạn văn, bài văn. HS phải căn cứ vào định hướng lập luận và đối tượng MT cụ thể để lựa chọn, sử dụng từ ngữ MT phù hợp và chính xác, tinh tế thì bài viết mới có lập luận chặt chẽ, đối tượng MT hiện lên sinh động, có nét riêng, độc đáo, thể hiện sự sáng tạo cá nhân.

Ví dụ:

- Tả ngoại hình con người cũng có biết bao từ ngữ khác nhau để tả: *cao, thấp, gầy, béo, dong dỏng, mảnh dẻ, mảnh mai, thon thả, trắng trẻo, hồng hào, gầy gò, vạm vỡ...* hướng đến những kết luận khác nhau về ngoại hình của đối tượng MT.

- Tả bà cụ: *da đồi mồi, lưng còng, tóc bạc, miệng móm mém nhai trầu, tay chống gậy, từng bước khó nhọc, lom khom...* (hướng đến kết luận đã già, yếu) hoặc *lưng vẫn thẳng, da dẻ vẫn hồng hào, tóc chưa bạc, tay thon thả...* (hướng đến kết luận vẫn khỏe mạnh, nhanh nhẹn).

- Tả em bé: *bụ bẫm, má căng tròn, chân tay mập mạp, tóc đen...* hướng đến kết luận em bé khỏe mạnh hoặc *gầy gò, da đen hoặc xanh, tóc rụng rụng, vàng hoe...* hướng người đọc đến kết luận là em bé ốm yếu.

- Tả con sông: *đổ đục, oằn mình* qua những cánh *đồng hoang* (gợi lên cuộc sống khó khăn, vất vả, đau thương, ...); dòng sông như *dải lụa mềm, nững nịu uốn mình* giữa *đồng lúa chín* (thể hiện cuộc sống thanh bình, ấm no...).

Như vậy, HS biết sử dụng từ ngữ cùng trường nghĩa là các em đã biết sử dụng một loại *dấu hiệu giá trị học* để định hướng lập luận khi MT.

2.4. Luyện tập định hướng lập luận qua việc sử dụng từ ngữ biểu cảm khi MT:

- Ý nghĩa của biện pháp:

Từ ngữ biểu cảm là một bộ phận từ ngữ của tiếng Việt có sức gợi tả, gợi cảm cao, là phương tiện MT hiệu quả. Nó bao gồm nhiều loại, nhưng đặc trưng nhất, theo chúng tôi, là từ láy. Việc sử dụng các từ láy một cách tinh tế khi MT có giá trị định hướng cảm xúc của người đọc. Đây là giải pháp giúp bài VMT giàu cảm xúc, thể hiện sâu sắc thái độ, tình cảm của người viết về đối tượng MT, định hướng được kết luận của người đọc về đối tượng MT.

- Nội dung của biện pháp:

Biện pháp này cũng phải được tiến hành đồng bộ từ cả phương diện tiếp nhận và sản sinh ngôn bản, tức là ở cả ở giờ Mở rộng vốn từ, Tập đọc, Tập làm văn và Kể chuyện.

Có thể tiến hành thông qua các dạng bài tập sau:

Ví dụ 1: Em hãy cho biết câu văn nào hay hơn, vì sao?

a) *Đám mây lốm đốm, xám như đuôi con sóc nối nhau bay quăn sát ngọn cây, lê thê đi mãi, bây giờ cứ loáng thoáng nhạt dần, thỉnh thoảng đứt quãng, đã lộ lộ đằng xa một bức vách trắng toát.*

b) *Đám mây trắng như đuôi con sóc nối nhau bay quăn sát ngọn cây, đi mãi, bây giờ cứ nhạt dần đứt quãng, đã lộ đằng xa một bức vách trắng toát.*

Nhờ sử dụng các từ láy có tính tạo hình *cao lốm đốm, lê thê, loáng thoáng, thi thoảng, lộ lộ* hình ảnh, sự di chuyển của đám mây hiện lên rõ ràng: lốm đốm trên nền trời, dài lê thê, lúc nhạt lúc đậm, lúc nối liền lúc đứt quãng, cuối cùng lại trở thành một tầng mây lớn màu trắng hiện lên như một bức vách. Hình ảnh những đám mây rong ruổi trên cao rồi lại sà xuống thấp màu trắng kì lạ như trên dẫn đến kết luận về một bầu trời thanh bình, cuộc sống nhẹ nhõm, bình yên. Câu văn thứ hai kém tính sống động, tạo hình, tính nhạc điệu, đám mây hiện lên như một dải trắng, cuốn sát ngọn cây, rồi lại đứt quãng, cuối cùng thì như một bức vách trắng toát. Không tạo cho người đọc đi đến kết luận về một bầu trời đẹp, một ngày bình yên mà chỉ dẫn đến kết luận về hình ảnh một đám mây lạ.

Bài tập trên cho thấy, việc sử dụng chính xác các từ láy có giá trị biểu cảm cao cũng góp phần làm rõ mục đích lập luận trong câu VMT trên, người đọc cảm nhận được sâu sắc hơn về nhận định, cảm xúc, tình cảm tác giả muốn gửi gắm.

Ví dụ 2: Các từ láy được in đậm trong đoạn văn sau giúp em rút ra kết luận gì về tâm trạng của cậu bé học trò?

*Hàng năm cứ vào cuối mùa thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây **bàng bạc**, lòng tôi lại nao nức những kỉ niệm **mon man** của buổi tựu trường.*

Tôi quên thế nào được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cánh hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng.

*Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi lên giấy, vì hồi ấy tôi chưa biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ **rụt rè** dưới nón mẹ lần đầu tiên đi đến trường, lòng tôi lại **tưng bừng rộn rã**.*

Buổi mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh, mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tôi tự nhiên thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: hôm nay tôi đi học.

(Theo Thanh Tịnh. **Tiếng Việt 3**, tập 1, tr 51)

Bài văn “Nhớ lại buổi đầu đi học” ghi lại những cảm tưởng đầy xúc động về ngày đầu tiên đến trường của một chú bé. Trong bài văn, đã sử dụng rất nhiều từ láy: *bàng bạc, rụt rè, âu yếm, mơn man, tung bồng, rộn rã* để diễn tả tâm trạng nao nức pha chút lo âu của cậu bé. Với đề bài này, HS thấy được giá trị diễn tả và lập luận của các từ láy. Từ đó, có thể học tập vận dụng vào bài Tập làm văn của mình.

Ngoài ra, có thể sử dụng những bài tập dạng yêu cầu tạo lập văn bản.

Chẳng hạn, *em hãy lựa chọn các từ chỉ màu xanh để viết một đoạn văn tả khu vườn vào một buổi sáng mùa xuân.*

Hoặc: *Cánh đồng lúa chín, trưa hè, thật rực rỡ. Em hãy lựa chọn những từ gọi tả màu vàng và viết một đoạn văn ngắn tả lại không gian rực rỡ này.*

Từ các ví dụ trên, ta thấy, để giúp HS biết khai thác sử dụng các từ ngữ biểu cảm làm công cụ định hướng lập luận trong MT, GV có thể tổ chức cho các em thao tác trên bài tập sử dụng từ ngữ biểu cảm. Hệ thống bài tập này có thể được xây dựng và sử dụng trên giờ Mở rộng vốn từ, Tập đọc, Tập làm văn.

3. Kết luận

Theo ngữ dụng học, bên cạnh các hư từ (*tác tử, kết tử*), thực từ là *dấu hiệu giá trị học*, có vai trò quan trọng trong việc định hướng lập luận cho văn bản, thuyết phục người đọc đi đến những kết luận mà người viết mong muốn. Bài viết vận dụng nghiên cứu của ngữ dụng học về phương tiện định hướng lập luận này vào việc xây dựng các biện pháp rèn luyện kỹ năng viết VMT cho HS lớp 4,5 nhằm giải quyết những khó khăn của HS trong quá trình tìm ý, sắp xếp ý, lựa chọn từ ngữ biểu đạt, thể hiện cảm xúc khi viết, duy trì cảm xúc chủ đạo của bài văn. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đào Duy Anh (2008). *Hán Việt từ điển giản yếu*. NXB Khoa học xã hội.
- [2] Hoàng Phê (2012). *Từ điển Tiếng Việt*. NXB Từ điển Bách khoa.
- [3] Nguyễn Trí (1999). *Dạy học Tập làm văn ở tiểu học*. NXB Giáo dục.
- [4] Đỗ Hữu Châu (2002). *Đại cương ngôn ngữ học* (tập 2), *Ngữ dụng học*. NXB Giáo dục.
- [5] Chu Thị Thủy An - Hồ Thanh Yến (2011). *Một số biện pháp rèn luyện kỹ năng lập luận trong làm văn*

miêu tả cho học sinh lớp 4. Tạp chí Giáo chức Việt Nam, số 56, tr 24-27.

[6] Lê Phương Nga (2012). *Tiếng Việt 5 nâng cao*. NXB Giáo dục Việt Nam.

[7] Nguyễn Minh Thuyết (chủ biên) (2013). *Tiếng Việt 3, 4, 5* (tập 1-2). NXB Giáo dục Việt Nam.

Bàn về chuẩn đầu ra...

(Tiếp theo trang 29)

yếu tố đảm bảo cho việc thực hiện đào tạo theo CĐR đạt hiệu quả. CĐR là sự cụ thể hóa mong muốn của đơn vị sử dụng nguồn nhân lực quản lý về năng lực làm việc của SV sau tốt nghiệp. Năng lực thực hành nghề của SV chỉ có thể được hình thành và rèn luyện trong môi trường thực tiễn. Vì vậy, để SV có thể đáp ứng yêu cầu của nhà tuyển dụng, các CSĐT cần phối hợp chặt chẽ với cơ sở thực hành trong việc tạo môi trường làm việc cụ thể cho SV tác nghiệp, hình thành năng lực nghề nghiệp đáp ứng yêu cầu của CĐR.

4. Kết luận

Hoạt động đào tạo ngành QLGD trình độ đại học chỉ có tính bền vững và mang lại ý nghĩa xã hội cao trong việc đào tạo nguồn nhân lực quản lý cho hệ thống giáo dục quốc dân khi các CSĐT xác định đúng CĐR của ngành học đáp ứng yêu cầu việc làm trong bối cảnh mới. Để hoạt động đào tạo đạt hiệu quả mong muốn, nhà trường cần tạo ra sự đồng thuận và quyết tâm trong toàn hệ thống, đồng thời thực hiện đồng bộ các biện pháp quản lý ngành học phù hợp với tinh thần đổi mới giáo dục đại học theo hướng “thực học, thực dụng” hiện nay. □

Tài liệu tham khảo

- [1] Đảng Cộng sản Việt Nam (2013). *Văn kiện Nghị quyết Hội nghị lần thứ 8, Ban Chấp hành Trung ương khóa XI*, Văn phòng Trung ương Đảng.
- [2] Bộ GD-ĐT (2013). *Tài liệu tập huấn Nâng cao chất lượng đào tạo giáo viên phổ thông đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục Việt Nam, 8/2013*.
- [3] Nguyễn Quang Việt (2017). *Chuẩn đầu ra giáo dục nghề nghiệp - Khung khái niệm và quy trình xây dựng*. Tạp chí Khoa học Dạy nghề, (40+41), tháng 1.
- [4] Đoàn Thị Minh Trinh - Nguyễn Hội Nghĩa (2014). *Hướng dẫn thiết kế và phát triển chương trình đào tạo đáp ứng chuẩn đầu ra*. NXB Đại học Quốc gia TP. Hồ Chí Minh.
- [5] Bùi Minh Hiền (chủ biên) (2006). *Quản lý giáo dục*. NXB Đại học Sư phạm.
- [6] Nguyễn Thị Yến Phương - Hứa Hoàng Anh (2014). *Đào tạo chuyên viên hành chính giáo dục trong chương trình cử nhân chính quy chuyên ngành Quản lý giáo dục tại Trường Đại học Sư phạm Hà Nội*. Kỷ yếu hội thảo. NXB Đại học Sư phạm.